



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1101-2/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔNG NAM
3. Địa chỉ : Lô TT2-1, đường D4, KCN Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh
4. Người lấy mẫu : Lê Lý Sĩ Liêm
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 07/06/2025
7. Thời gian phân tích : 07/06/2025 – 17/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 1/4



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1101-2/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

(Mã số mẫu: 250607002_NT02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011 BTNMT $C_{max}=C_xK_q \times K_f$ cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
1	Nhiệt độ	°C	30,2	40	SMEWW 2550B:2023
2	Độ màu*	Pt-Co	< 30	50	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
3	pH	-	6,92	6 – 9	TCVN 6492:2011
4	TSS*	mg/L	18	40,5	TCVN 6625:2000
5	COD	mg/L	54	60,8	SMEWW 5220C:2023
6	BOD ₅ *	mg/L	17	24,3	TCVN 6001-1: 2021
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	< 0,18	4,1	SMEWW 4500-NH ₃ , B&F: 2023
8	Tổng Nito*	mg/L	< 9,0	16,2	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	< 0,18	3,2	SMEWW 4500-P, B&D:2023
10	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	176	405	TCVN 6194:1996
11	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (MDL=0,25)	0,81	TCVN 6225 – 3 : 2011
12	Florua (F ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,07)	4,05	SMEWW 4500-F ⁻ . B&D:2023
13	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
14	Sắt (Fe)	mg/L	< 0,27	0,81	SMEWW 3500-Fe, B : 2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,62	SMEWW 3111B:2023
16	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (MDL=0,036)	2,43	SMEWW 3111B:2023
17	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,41	SMEWW 3111B:2023
18	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,041	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,0041	TCVN 7877:2008

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/4

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhtienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1101-2/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011 BTNMT $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
20	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	0,081	SMEWW 3113B:2023
21	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,041	SMEWW 3113B:2023
22	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,041	SMEWW 3500-Cr:2023
23	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,162	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
24	Tổng Xianua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,057	SMEWW 4500 CN^- , C &E:2023
25	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,081	TCVN 6216:1996
26	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,162	SMEWW 3113B:2023
27	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{\#}$	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	TCVN 6053:2011
28	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{\#}$	Bq/L	KPH (MDL=0,3)	1,0	TCVN 6219:2011
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ [#]	mg/L	KPH	0,0405	US EPA 3510C+ US EPA 3630C + US EPA 8270E
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ [#]	mg /L	KPH	0,243	US EPA 3510C+ US EPA 3620C + US EPA 8270E
31	Tổng PCB [#]	mg/L	KPH	0,00243	US EPA 3510C+ US EPA 3630C + US EPA 8270E
32	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,1	SMEWW 5520B&F:2023
33	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	KPH (MDL=1,8)	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 – Vimcerts 078, α , β : Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú – Vimcerts 292)
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp,
Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt,
 $C_{\max}$ là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại NBH: 02/05/2019
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

Trang: 3/4



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1101-2/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2025

Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; $Kq = 0,9$ ứng với $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$

Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải; $Kf = 0,9$ ứng với $F > 5.000 \text{ m}^3/24\text{h}$

- KPH: Không phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện; LOD: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT02: Nước thải tại điểm xả thải Rạch Bà Bếp (Kinh độ: $106^{\circ}37'26.9''$; Vĩ độ: $10^{\circ}57'39.7''$)



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 4/4